TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm

2. Bà Phan Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 946/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim X, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Phạm Minh N; địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.2. Bà Nguyễn Thị Kim V; địa chỉ: Ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.3. Bà Nguyễn Thị T1; địa chỉ: Số D, đường N, ấp Thị 1, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.4. Ông Nguyễn Văn L; địa chỉ: Ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.5. Ông Lê Văn M; địa chỉ: Ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.6. Bà Nguyễn Thị N1; địa chỉ: Ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.7. Ông Châu Văn H; địa chỉ: Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.8. Ông Lê Văn P; địa chỉ: Ấp M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.9. Ông Phạm Văn G; địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.10. Bà Nguyễn Thị Kim P1; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.11. Bà Phạm Thị K; địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.12. Bà Phạm Thị T2; địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.13. Bà Phạm Ngọc T3; địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.14. Bà Nguyễn Thị Q, địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.15. Bà Nguyễn Thị Ngọc T4; địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.16. Bà Nguyễn Thị Bé B; địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.17. Ông Phạm Văn H1; địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.18. Ông Phạm Văn H2; địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.19. Ông Phạm Văn P2; địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.20. Bà Chế Thị Mộng T5; địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim X và anh Trần Ngọc T do mai mối nên tiến đến hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký hôn tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của cha mẹ anh T thuộc địa chỉ ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Trong quá trình chung sống, gia đình anh T không thích chị X; vợ chồng không cùng quan điểm sống, anh T thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn tạo thu nhập phụ giúp gia đình mà chỉ phụ thuộc vào gia đình anh T, chị X đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi. Trong cuộc sống, anh T không đưa tiền cho chị X để chăm lo sinh hoạt trong gia đình và nuôi con mà đưa cho cha mẹ anh T. Đỉnh điểm của mâu thuẫn vào năm 2020, khi chị X bắt đầu đi dạy học, gia đình anh T không muốn chị X đi dạy, chỉ muốn chị X ở nhà phục vụ gia đình, sau đó, mâu thuẫn kéo dài đến khoảng tháng 5/2022 thì chị X về nhà mẹ ruột sinh sống. Lý do mà chị X bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống vì bà Võ Thị R (mẹ chồng) và bà Võ Thị Thúy A (chị chồng) đuổi chị X ra khỏi nhà vì cho rằng chị X bán hàng online làm xấu hổ gia đình nhà chồng và nói chị X coi thường gia đình nhà chồng. Anh T thì ăn nhậu, say sỉn suốt ngày, không quan tâm đến chị X, chị X đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh T không nghe nên vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 5/2022 đến nay. Khi ly thân, anh T có đến nhà chị X để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị X không đồng ý do anh T không có thay đổi tính tình. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị X yêu cầu được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

Về con chung: Chị X và anh T có 01 con chung tên Trần Ngọc T6, sinh ngày 21/6/2019. Hiện nay, con chung đang sống với anh T. Khi ly hôn, chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Từ lúc con chung sinh ra thì con sống với chị X và anh T. Khi vợ chồng ly thân, chị X về nhà mẹ chị X ở thì con chung theo chị X về nhà mẹ chị X sinh sống với chị X, đến khoảng tháng 10/2022, anh T rước con về và giành quyền nuôi con với chị X nên từ tháng 10/2022 đến nay, con chung mới do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian con chung sống với anh T, chị X có đến trường để thăm con, chị X không đến nhà anh T để thăm con được là vì gia đình chồng đã đuổi chị X, không cho chị X đến thăm con nên chị X không thể đến nhà cha mẹ chồng để thăm con. Chị X yêu cầu nuôi con vì vào tháng 10/2022, anh T uy hiếp chị X bằng cách mang con chung xuống cầu M đòi ôm con nhảy cầu tự tử. Do đó, chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Phạm Thị Kim X do mai mối nên tiến đến hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của cha mẹ anh T thuộc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 5/2022 vì chị X đi dạy về trễ (khoảng 20 giờ đến 21 giờ) nên bị mẹ anh T la rầy, mẹ anh T la cả anh T và chị X, mẹ anh T la chỉ có 01 đến 02 lần. Sau đó, chị X bỏ về nhà mẹ của chị X để sinh sống. Khi chị X bỏ đi thì anh T có năn nỉ và động viên vợ quay về sinh sống nhưng chị X không chịu về. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do lỗi của chị X. Trong cuộc sống, anh T không thường xuyên uống rượu, khi uống rượu thì anh T không có say xỉn. Anh T có đi làm và đưa tiền cho chị X, anh T không có chửi hay nói những lời thô tục với chị X. Khoảng tháng 10/2022, anh T có năn nỉ chị X quay về chung sống nhưng chị X không đồng ý và đuổi anh T cùng con về, do tức giận quá nên anh T mới nói sẽ cùng con nhảy cầu Mỹ Luông để uy hiếp tinh thần của chị X. Nay đối với yêu cầu ly hôn của chị X, do anh T còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X.

Về con chung: Anh T và chị X có 01 con chung tên Trần Ngọc T6, sinh ngày 21/6/2019. Hiện nay, con chung đang sống cùng với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh T đang làm nghề bán cây giống và làm vườn, thu nhập mỗi tháng là 15.000.000 đồng nên đủ điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Chị Phạm Thị Kim X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do gia đình anh T không muốn cho chị X đi làm và bán hàng online; anh T không quan tâm gia đình, không lo làm việc kiếm thu nhập để lo cho gia đình, không có trách nhiệm với vợ, con; anh T chỉ biết dựa dẫm vào cha mẹ ruột của anh T. Đỉnh điểm phát sinh mâu thuẫn là khi chị X xin được việc làm, phải đi dạy nên không có người lo cho công việc nội trợ trong gia đình anh T, anh T không quan tâm đến cảm xúc của chị X nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên không có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh T và chị X. Bản thân anh T và chị X cũng có hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng do anh T không thay đổi tính tình nên không hàn gắn được. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không thành thật thừa nhận hành vi sai trái của bản thân và có hành vi dùng vũ lực đối với chị X nên chị X yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh T và chị X có 01 con chung tên Trần Ngọc T6, sinh ngày 21/6/2019. Khi vợ chồng ly thân từ tháng 5/2022, chị X có dẫn con chung theo chị X về nhà mẹ của chị X để ở, thời điểm này anh T cũng có đến để chung

sống với chị X nhưng do anh T thường xuyên uống rượu nên chị X1 không cho anh T đến nữa, đến khoảng 11/2022, anh T đến trường học của con chung và đưa con chung về nhà của anh T. Sau đó, anh T không cho chị X được tiếp tục, chăm sóc con chung. Do anh T thường xuyên uống rượu, không có việc làm ổn định và có hành vi dùng tính mạng của con chung để uy hiếp chị X nên chị X yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn khởi kiện, chị X có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nay chị X xin rút lại yêu cầu buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Lý do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do lỗi của chị X, chị X đi làm về mà không chịu về nhà lo cho gia đình mà ở bên nhà của mẹ chị X đến khuya mới về nhà nên mẹ anh T mới la rầy. Anh T không có thường xuyên uống rượu như chị X trình bày. Nay anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X.

Về con chung: Anh T và chị X có 01 con chung tên Trần Ngọc T6, sinh ngày 21/6/2019, hiện nay sống với anh T. Khi vợ chồng ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì hiện nay con chung do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị X không có đủ điều kiện để chăm sóc con chung do chị X không có thời gian và thu nhập ổn định. Anh T có dùng tính mạng của con để uy hiếp chị X nhưng chỉ vì thương vợ, muốn chị X trở về sinh sống với anh T, anh T không có ý định xâm phạm đến tính mạng của con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim X đối với yêu cầu buộc anh Trần Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim X. Chị Phạm Thị Kim X được quyền ly hôn anh Trần Ngọc T. Chị Phạm Thị Kim X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Ngọc T6, sinh ngày 21/6/2019; anh Trần Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Ngọc T có nghĩa vụ giao con chung cho chị Phạm Thị Kim X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị Kim X khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Ngọc T, yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Trần Ngọc T có nơi cư trú tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, những người làm chứng vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử giải quyết vụ án.

[1.3] Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Kim X rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Trần Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim X là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim X đối với yêu cầu buộc anh Trần Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Kim X cho rằng, chị X và anh T chung sống đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm vợ con, không lo làm việc kiếm thu nhập lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu và chỉ biết dựa dẫm vào gia đình; gia đình anh T không đồng ý cho chị X đi làm và bán hàng online. Đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng là khi chị X đi dạy học, không thường xuyên ở nhà để lo công việc nội trợ trong gia đình anh T, anh T không quan tâm đến suy nghĩ của chị X nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tiếng nói chung và sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình hai bên không có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị X và anh T; bản thân chị X đã cho anh T cơ hội nhiều lần để sửa đổi tính tình nhưng anh T không thay đổi; nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do lỗi của anh T.

Anh Trần Ngọc T cho rằng, nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do lỗi của chị X vì chị X thường đi làm về trễ; anh T không có lỗi trong thời kỳ hôn nhân giữa chị X và anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Ngọc T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh Trần Ngọc T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X.

Xét thấy, chị Phạm Thị Kim X và anh Trần Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang ngày 17/5/2019 theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị X và anh T theo quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được. Tại phiên tòa, chị X yêu cầu được ly hôn với anh T; anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X. Do đó, có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị X yêu cầu ly hôn anh T phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung:

Chị Phạm Thị Kim X và anh Trần Ngọc T đều xác định, chị X và anh T có 01 con chung tên Trần Ngọc T6, sinh ngày 21/6/2019, hiện nay con chung do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị X và anh T đều có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Chị X cho rằng, anh T thường xuyên uống rượu, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không đủ điều kiện nuôi con; anh T có hành vi dùng tính mạng của con chung để uy hiếp tinh thần của chị X; anh T và gia đình có hành vi cản trở, không cho chị X thăm nom, chăm sóc con chung.

Anh T cho rằng, chị X không có thời gian chăm sóc con chung, không có thu nhập không ổn định, gia đình chị X có người bệnh tâm thần nên không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu T6 sinh sống với anh T từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Anh T không thừa nhận việc thường xuyên uống rượu và có hành vi cản trở chị X trong việc chị X thăm nom, chăm sóc con chung.

Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ sau thể hiện:

Lời khai của ông Nguyễn Văn L, ông Châu Văn H, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T4 thể hiện: Anh T thường xuyên uống rượu, nhiều lần đến rước con trong tình trạng say sỉn và có hành vi giành giật con chung với chị X.

Biên bản xác minh ngày 25/4/2023 tại ấp M thể hiện: Anh T thường xuyên uống rượu, chủ yếu vào buổi chiều. Anh T không có nghề nghiệp ổn định. Cách nay khoảng hơn 01 tháng, chị X đến thăm con chung, mặc dù trong nhà của anh T có người nhưng không có mở cửa cho chị X vào thăm con chung.

Biên bản xác minh ngày 25/4/2023 tại Trường Mầm non thị trấn M thể hiện: Thường ngày anh T hoặc chị X thay phiên nhau đưa rước cháu T6; nhưng chủ yếu là anh T đưa rước. Thời gian gần đây, cháu T6 có vắng học khoảng 04 – 05 ngày/tháng, có lúc vắng không có lý do. Ngày 25/4/2023, cháu T6 vắng không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T thừa nhận có hành vi dùng tính mạng

của cháu T6 uy hiếp chị X để chị X trở về chung sống với anh T. Tại phiên tòa, cha mẹ của anh T xác định anh T thường uống rượu là do buồn chuyện gia đình; anh T thừa nhận người trong đoạn video chị X cung cấp là anh T nhưng anh T cho rằng chỉ muốn dẫn cháu T6 về chứ không có hành vi dùng vũ lực đối với chị X.

Do đó, đã có đủ căn cứ để xác định lời trình bày của chị X về việc anh T là người thường xuyên uống rượu, có hành vi dùng tính mạng của cháu T6 để uy hiếp tinh thần của chị X; anh T cùng gia đình đã có hành vi cản trở chị X trong việc chị X thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung là có căn cứ.

Xét thấy, việc quyết định giao con cho người nào trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng khi chị X và anh T ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân làm con chung không còn sống chung với cha mẹ, với vai trò là người cha, lẽ ra, anh T càng phải thương yêu, bảo vệ, chăm sóc cháu T6 để bù đắp tình cảm cho cháu T6, ngược lại, chỉ vì muốn níu kéo quan hệ hôn nhân với chị X, anh T lại dùng tính mạng của cháu T6 để uy hiếp tinh thần của chị X, khi chị X kiên quyết ly hôn, anh T tiếp tục có hành vi cản trở, không cho chị X chăm sóc, giáo dục con chung. Hành vi của anh T đã xâm phạm đến quyền của trẻ em quy định tại Điều 12, 15, 22, 23 Luật trẻ em; xâm phạm đến quyền của cha mẹ đối với con quy định tại Điều 69 Luật hôn nhân và gia đình; thể hiện sự xem thường pháp luật của anh T. Đồng thời, quá trình chăm sóc con chung, anh T thường xuyên rước con trong tình trạng say sỉn, từ tháng 11/2022 cho đến nay, cháu T6 thường xuyên nghỉ học không có lý do thể hiện trách nhiệm làm cha của anh T không cao. Mặt khác, do cháu T6 là gái nên chị X sẽ có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giúp cháu T6 phát triển tốt về thể chất, lẫn tinh thần tốt hơn so với anh T. Do đó, để giúp cháu T6 phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị X khi ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh T không phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên không được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị Kim X là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn nên anh Trần Ngọc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Phạm Thị Kim X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị Kim X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim X đối với yêu cầu buộc anh Trần Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim X.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim X được ly hôn anh Trần Ngọc T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43, ngày 17/5/2019 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho chị Phạm Thị Kim X và anh Trần Ngọc T không còn giá trị pháp lý.

[2.2] Về con chung:

Chị Phạm Thị Kim X được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Ngọc T6, sinh ngày 21/6/2019.

Anh Trần Ngọc T có nghĩa vụ giao con chung tên Trần Ngọc T6, sinh ngày 21/6/2019 cho chị Phạm Thị Kim X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị Kim X cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Ngọc T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Kim X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0012904 ngày 18/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang